

## THAY LỜI TỰA

**Thai Tạng Giới** (Garbha-ko'sa-dhātu, hay Garbha-dhātu) là một trong hai Giới của Mật Giáo, cùng đối xứng với Kim Cương Giới (Vjara-dhātu)

**Garbha-ko'sa-dhātu** dịch âm là Bích Bà Củ Xa Đà Đô, **Garbha-dhātu** dịch âm Bích Lạt Bà Đà Đổ. Xưng đủ là Đại Bi Thai Tạng Sinh (Mahà-kàruṇa-garbhodbhave)

Thai Tạng có hai nghĩa

**1\_ Ân Phúc** (che khuất): Như người trong thai mẹ được bào thai che khuất. Lý Thể cũng bị Phiền Não che khuất nên chẳng hiển hiện, do đó gọi là Thai Tạng

**2\_ Hàm Tàng** (Cất chứa): Như trong thai mẹ chứa đựng thân thể của con để che chở nuôi nấng. Lý Thể vốn đầy đủ tất cả Công Đức mà chẳng mất, do đó gọi là Thai Tạng.

Do sự hàm chứa này mà có hai nghĩa là **Nhiếp Trì** và **Xuất Sinh**. Có ba ví dụ:

a\_ **Lý Tính vốn đủ**: Mật Giáo lấy 5 Đại của Đẳng Địa hoặc Tâm Bồ Đề thanh tịnh làm Lý Tính vốn đủ. Lý Tính này nhiếp tất cả Pháp giống như thai mẹ nhiếp giữ thân con, nên nói là Thai Tạng.

**Bí Tạng Ký** ghi rằng: "Thai Tạng là Lý, Kim Cương là Trí"

b\_ **Trái tim thịt của chúng sinh** (Hṛdaya): Trái tim thịt này có 8 múi vốn là hoa sen tám cánh dùng nhiếp giữ Man Đà La của các Tôn.

**Bí Tạng Ký**, 3 ghi rằng: "Kinh nói về Xứ Man Đà La. Trong tất cả Tâm chúng sinh có khối thịt tám múi là hình hoa sen tám cánh, ở đấy nơi nơi lập Man Đà La, nên nói là Thai Tạng Giới"

c\_ **Trung Đài Bát Diệp Viện Man Đà La**: Dùng theo Thai Tạng của Đại Nhật Như Lai mà sinh ra ba lớp Man Đà La, các Tôn của tất cả Man Đà La mà nói là Thai Tạng.

Đại Từ Bi của Đức Phật giúp đỡ, giữ gìn, yêu thương, nuôi nấng chúng sinh như đứa con trong thai của nên nói là Thai Tạng. Nói rộng ra, muốn lấy Lý của Thai Tạng vốn đủ của chúng sinh để mở bày cho tất cả chúng sinh mà Đại Bi Thai Tạng của Đức Phật lưu hoá hiện ra Pháp Môn của Phật là **Thai Tạng Giới Man Đà La**

\_ **Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 3** dùng bào thai, hoa sen làm hai ví dụ để giải thích nghĩa của Thai Tạng

1\_ Dùng **bào thai** làm ví dụ: Là chủng tử Thức được che dấu trong thai mẹ, đầy đủ các căn, chẳng lâu được sinh ra, nuôi lớn lên, tập các kỹ nghệ xong, sau đó thực hiện sự nghiệp. Giống như trong **Tính vốn có** của chúng sinh có **Nhất Thiết Trí Tâm**, do phát tâm học vạn hạnh Đại Bi mà hiển hiện Tâm Tịnh ấy, sau đó phát khởi phương tiện, tự lợi lợi tha, viên mãn cứu cánh, nên được gọi là **Đại Bi Thai Tạng Sinh**.

2\_ Dùng **hoa sen** làm ví dụ: là Chủng Tử của hoa sen ở trong cái vỏ cứng, tính của cành nhánh lá hoa đầy đủ rõ ràng giống như Chủng Tử Tâm của Thế Gian.

Chủng Tử này phát mầm, lớn dần cho đến lúc sinh nụ hoa thời đài hoa, quả thật đều ẩn bên trong sự che dấu của lá (diệp tạng) chẳng bị gió lạnh, mọi duyên gây thương tích, hư hại... màu sắc trong sạch, râu nhụy ngày đêm tươi tốt giống như Đại Bi Thai Tạng ở trong ánh sáng mặt trời, hoa chính thức hé nở như phương tiện mãn túc.

Cho nên biết Thai Tạng có nghĩa cất chứa che giúp , hoặc nhiếp trì... chỉ Lý Tính đã có đủ của chúng sinh làm Pháp Môn của **Lý Bình Đẳng** nên xưng là **Thai Tạng Giới**.

## BA BỘ CỦA THAI TẠNG GIỚI

Thai Tạng Giới là Môn **Hóa Tha** của **Bản Giác Hạ Chuyển** cho nên quy ước là ba Đức của Đại Định, Trí, Bi gom thâu Man Đa La ấy vào ba Bộ, mỗi Bộ tương trưng bằng Tôn Chủ ở giữa, là Tính của ba Mật, một đặc tính về một vật, được biểu tượng như sau:

Bộ Chính	Chủ Bộ	Tính của ba Mật		Vật biểu tượng
Phật	Đại Tỳ Lô Giá Na	Thân	Định	Tháp Xá Lợi
Kim Cương	Kim Cương Tát Đỏa	Ý	Trí	Kim Cương Ngũ Cổ
Liên Hoa	Quán Thế Âm	Khẩu	Bi	Hoa sen

**1\_ Phật Bộ** (Buddha-kulàya): Lý này Trí này. Phàm địa vị chưa hiển, nhập vào Quả Vị thì đầy đủ Lý Trí, viên mãn Giác Đạo nên gọi là Phật Bộ, nhận lấy công việc Đại Định

Trong Thai Tạng Giới Man Đa La thì các Tôn của Trung Đài Bát Diệp Viện với các Viện bên trên, bên dưới. Đấy là **Đại Định**

**2\_ Liên Hoa Bộ** (Padma-kulàya): Trong thân của chúng sinh vốn có Lý thanh tịnh của Tâm Bồ Đề, tuy tại sáu nẻo, lưu chuyển trong bùn Sinh Tử nhưng chẳng nhiễm chẳng dơ như hoa sen sinh ra trong bùn mà chẳng nhiễm chẳng dơ. Cho nên gọi là Liên Hoa Bộ, nhận lấy công việc Đại Bi

Do Tam Muội **Đại Bi** của Như Lai hay làm cho vạn thiện tươi tốt nên dùng làm ví dụ mà gọi tên là Liên Hoa Bộ. Bộ này gồm có Quán Âm Viện và Địa Tạng Viện ở phương bên phải . Đấy là **Đại Bi**

**3\_ Kim Cương Bộ** (Vajra-kulàya): Tự Tâm của chúng sinh vốn có Trí Tuệ bền chắc. Tuy tại trong bùn sinh tử, trải qua vô số kiếp nhưng chẳng hư chẳng hoại, hay phá phiền não như Kim Cương tuy bị chôn vùi trong đất nhưng chẳng hư chẳng hoại, hay tột phá các oán định, vật xưa cũ nên gọi là Kim Cương Bộ, nhận lấy công việc Đại Trí

Do Lực Dụng thuộc **Tuệ** của Như Lai, hay tột phá ba chướng **Hoặc, Nghiệp, Khổ** cho nên dùng làm ví dụ mà gọi tên là Kim Cương Bộ. Bộ này gồm có Kim Cương Thủ Viện và Trừ Cái Chướng Viện ở phương bên trái. Đấy là **Đại Trí**

Lại lớp thứ tư của Hiện Đồ Thai Tạng Man Đa La tức các Tôn của **Ngoại Bộ**, nói có hai nghĩa: Một là thông với Trung Thai, trên dưới nhiếp vào Phật Bộ. Phương Nam nhiếp Kim Cương Bộ, phương Bắc nhiếp Liên Hoa Bộ. Một là thông với bốn phương nhiếp vào Thích Ca Viện. Thích Ca (‘Sàkyā) là Đức Phật Năng Hóa của ba cõi sáu nẻo cho nên các Tôn của Ngoại Bộ thông làm quyến thuộc của Ngài.

\_ **Đại Nhật Kinh Số 5** nói:”Đại phạm lớp thứ nhất này, phương trên là mọi Đức trang nghiêm của thân Phật, phương dưới là Trì Minh thị vệ của Phật đều gọi là Như Lai Bộ Môn. Phương bên phải là Tam Muội Đại Bi của Như Lai hay làm cho vạn thiện tươi tốt nên gọi là Liên Hoa Bộ. Phương bên trái là Lực Dụng Đại Tuệ của Như Lai hay tối phá ba chướng nên gọi là Kim Cương Bộ”

\_ **Phật Đà Cù Tứ Gia** có nói trong **Đại Nhật Kinh Quảng Thích** là:”Phật Bộ theo Đại Viên Kính Trí hoà với Bình Đẳng Trí mà phát sinh Đức **Đại Định**, Liên Hoa Bộ theo Diệu Quán Sát Trí mà phát sinh Đức **Đại Bi**, Kim Cương Bộ theo Thành Sở Tác Trí mà phát sinh Đức **Đại Trí**”

Nếu đem ba Bộ phối trí với ba Mật thì Phật Bộ (Buddha-kulāya) là Thân Mật (Kāya-guhyā), Kim Cương Bộ (Vajra-kulāya) là Ý Mật (Mano-guhyā), Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya) là Ngữ Mật (Vag-guhyā). Lại có quan hệ với nhóm Bộ Chủ, Minh Vương, Phần Nộ... Các Kinh Luận đã nói chẳng giống nhau.

## THAI TẠNG GIỚI PHÁP

Trong Pháp tu của Mật Giáo dùng **Thai Tạng Giới Đại Nhật Như Lai** làm Bản Tôn để cúng dường Pháp tu của các Tôn trong Thai Tạng Man Đa La. Cùng đối xứng với Kim Cương Giới Pháp. Xứng đủ là Đại Bi Thai Tạng Sinh Mạn Đa La Pháp, lược xứng là Thai Tạng Pháp. Pháp này chủ yếu căn cứ vào ba Mật của các Tôn trong Mạn Đa La cùng với Pháp Môn của ba câu “**Nhân, Căn, Cứu Cánh**”

**Kinh Đại Nhật, quyển 1, Phẩm Vào Chân Ngôn Môn trụ tâm** ghi rằng:

” Bạch Đức Thế Tôn ! *Trí Tuệ như vậy , lấy gì làm NHÂN ? Lấy gì làm CĂN (gốc rễ)? Lấy gì làm CỨU CẢNH ?*”

Đức Tỳ Lô Giá Na Phật bảo Trì Kim Cương Bí Mật Chủ rằng :” Lành thay ! Lành thay Chấp Kim Cương ! Lành thay Kim Cương Thủ ! Ông đã hỏi Ta về Nghĩa như vậy. Ông hãy lắng nghe, hãy khéo tác ý. Nay Ta sẽ nói”.

Kim Cương Thủ thưa : “Như vậy, Thế Tôn ! Con xin vui nguyện lắng nghe “

Đức Phật bảo : “Hãy lấy **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) làm Nhân, **Bi** (Kāruṇā) làm gốc rễ (căn), **Phương Tiện** (Upāya) làm Cứu Cánh...”

Câu trả lời của Đức Phật tạo nên một ý niệm cơ bản cho sự kết cấu Man Đa La này. Đó là sự ứng khẩu của phương tiện thiện xảo, Tâm Bi mà các Bồ Tát thường phải nuôi lớn hạt giống giải thoát sinh tử luân hồi để mau chóng chứng đạt Phật Quả.

## SỰ TRUYỀN THỪA THAI TẠNG GIỚI

Sự truyền thừa Thai Tạng Giới được ghi nhận khác nhau

1\_ Thứ tự truyền thừa theo hệ phái **Đông Mật** của Nhật Bản là:

Đại Nhật Như Lai, Kim Cương Tát Đỏa, Long Mãnh, Long Trí, Kim Cương Trí, Bất Không, Tuệ Quả, Hồng Pháp.

Hoặc theo thứ tự là: Đại Nhật Như Lai, Thiện Vô Úy, Nhất Hạnh, Thuận Hiểu, Truyền Giáo (Nghĩa Lâm)

2\_ Tại Nhật Bản, tuy Đại Sư **Truyền Giáo** có truyền dạy Mật Giáo, nhưng chưa phải là Mật Giáo có tổ chức. Đến Đại Sư **Từ Giác** (Viên Nhân) thì mới thật sự có một dòng **Đài Mật**. Thuyết lưu truyền Tông Phái về thứ tự truyền thừa Thai Tạng Giới theo hệ phái **Đài Mật** được Đại Sư **Từ Giác** ghi nhận là:

Đại Nhật Như Lai, Kim Cương Tát Đỏa, Long Mãnh, Long Trí, Kim Cương Trí, Thiện Vô Úy, Bất Không, Nhất Hạnh, Tuệ Quả, Tuệ Tắc, Nghĩa Tháo, Nghĩa Chân, Pháp Toàn, Viên Nhân.

## THAI TẠNG GIỚI MAN ĐA LA



**Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) xứng đầy đủ là **Đại Bi Thai Tạng Sinh Man Đa La** (Mahà-kàruṇa-garbhodbhave-maṇḍala), là một trong hai Giới Man Đa La của Mật Giáo.

Lược xưng là Thai Tạng Man Đa La, Đại Bi Man Đa La.

Đối với Kim Cương Giới Man Đa La mà nói, lại xưng là Nhân Man Đa La, Đông Man Đa La, Lý Man Đa La.

**Thai Tạng** (Garbha) là ý của Đại Bi.

**Man Đa La** (Maṇḍala) hàm chứa các nghĩa là: Có phát sinh chư Phật, địa vị cực vô tỷ, Luân Viên Cụ Túc.

**Thai Tạng Giới Man Đa La** tức là từ trong đất Tâm bình đẳng Đại Bi Thai Tạng của Tỳ Lô Giá Na Như Lai đã sinh ra Đại Man Đa La

Ý tưởng về sự kết cấu Man Đa La này được tạo dựng từ **Kinh Đại Nhật** là một trong các Kinh Điển căn bản của Mật Giáo

Sau này **Đại Nhật Kinh Sớ** lại gia thêm để bổ sung cho nên xưa nay đều gọi Man Đa La này là **Kinh Sớ Man Đa La**.

\_ **Đại Nhật Kinh Sớ, quyển 5** ghi rằng: "Như trên đã nói: **Tâm Bồ Đề** làm Nhân, **Đại Bi** làm gốc rễ, **Phương Tiện** làm cứu cánh. Tức đài hoa là thật tướng của Tâm, Đại Bi Thai Tạng hé nở dùng phương tiện Đại Bi hiện làm quyển thuộc Phổ Môn của ba lớp. Do nghĩa đó nên gọi là **Đại Bi Thai Tạng Man Đa La**"

\_ Kinh Đại Nhật của Tây Tạng được Ngài **Bả Bá Lạt Bà** dịch là Bản Chất.

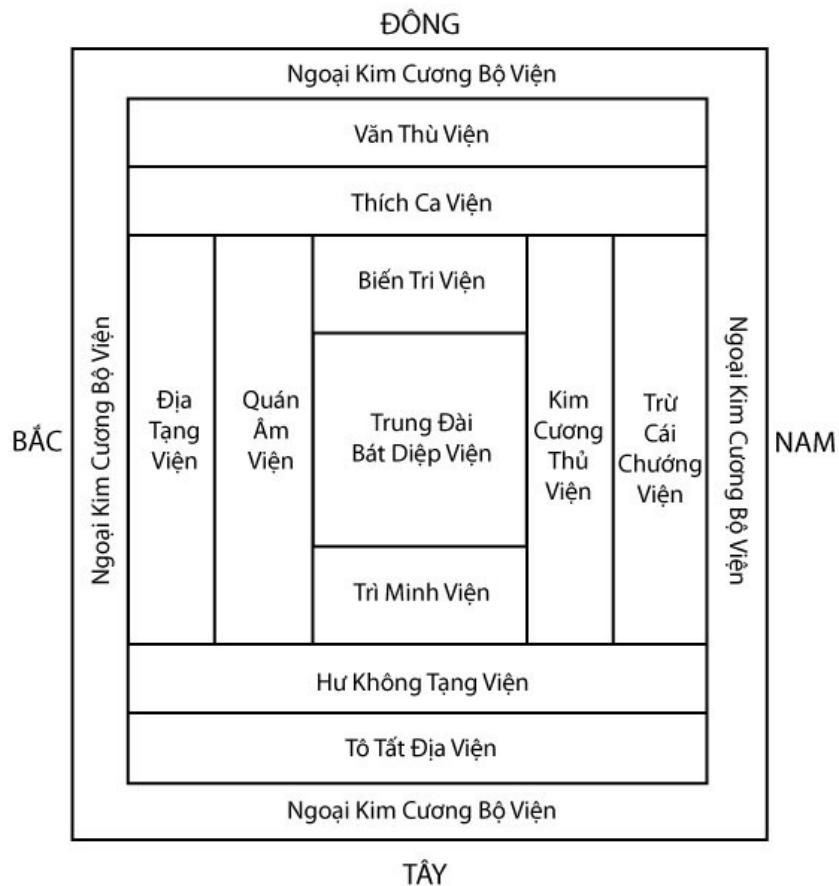
Phẩm **Cụ Duyên** trong Kinh Đại Nhật của Tây Tạng ghi là:”Này Bí Mật Chủ! Lại nữa, Quảng Đại Man Đa La ất hay cứu tế vô biên hữu tình nên gọi là **Đại Bi Bản Chất Sinh**”

\_ Trong **Sớ** của **Phật Đà Cù Tứ Gia** có ghi rằng:”Đại Bi Thai Tạng Man Đa La là từ Nguyên Lực Từ Bi của chư Phật vì hoá tế hết cả chúng sinh mà hiện mọi loại thân tướng, vì mọi loại hữu tình tuyên nói mọi loại Diệu Pháp, y theo căn tính của mọi loại chúng sinh mở ra Tâm tương ứng với Bản Thệ, Dùng Thân Khẩu Ý Vô Tận Trang Nghiêm Tạng này làm hình tượng trang nghiêm thuộc đồ hội của đối cảnh nên xưng là Đại Bi Thai Tạng Sinh Man Đa La”

Như giải thuyết này thì từ Môn **Hướng Hạ** (hướng xuống dưới) nhiếp hoá chúng sinh của Đức Phật mà diễn nói, như Quả theo Môn **Hướng Thượng** (hướng lên trên) do chúng sinh tu chứng mà hiểu rõ. Tức là tất cả chúng sinh quán thấy Man Đa La này, y theo đây tu hành thì cuối cùng hay khai ngộ được Đại Bi Bồ Đề của Tâm mình cho nên xưng là Đại Bi Bản Sở Sinh

Do Đại Bi Bản Sở Sinh Man Đa La này thì một phương diện biểu thị cho Diệu Hạnh thuộc Tam Mật Vô Tận Trang Nghiêm được phát sinh từ Công Đức Đại Bi của Đức Phật. Mặt khác tức là trong Tâm của Hành Giả thể hiện Đại Bi Tam Vô Tận Trang Nghiêm Tạng của Đức Phật, cho nên xưng là Man Đa La.

Đồ hình **Hiện Đồ Thai Tạng Man Đa La** được trình bày như sau:



Trong Man Đa Na này thời Trung Đài Bát Diệp Viện chủ yếu khiến Hành Giả ngay trong Tâm của mình quán sát Diệu Đức của 9 vị Thánh Tôn mà khai phát Tâm Bồ Đề vốn có của chính mình, cho nên đại biểu cho Đức của **Tâm Bồ Đề**. Lớp thứ hai đại biểu cho **Đại Bi**, lớp thứ ba đại biểu cho Đức của **phương tiện nhiếp hoá**.

Trung Đài Bát Diệp Viện gọi là **Tự Tính Thân** (Svabhàva-dharma-kàya), ba Bộ quyển thuộc là **Tự Thọ Dụng Thân** (Svasambhoga-dharma-kàya), các Đại Tâm Bồ Tát của lớp thứ hai là **Tha Thọ Dụng Thân** (Parasambhoga-dharma-kàya), nhóm của Thích Ca Mâu Ni Phật ở lớp thứ ba là **Biến Hoá Thân** (Nirmàna-dharma-kàya), quyển thuộc trong 9 Giới là **Đẳng Lưu Thân** (Niṣyanda-dharma-kàya)

### **1\_ Trung Đài Bát Diệp Viện:**

Viện này biểu thị cho Tâm (Hṛdaya) gồm có 9 Tôn tượng trưng cho 5 Trí và 4 Hạnh. Hình ảnh của các Tôn trong Viện này được dùng để biểu tượng cho quan niệm: **“Phật Tính vốn tiềm ẩn trong thân của chúng sinh”** chính ngay Thức (Vijñàna) đã kết hợp với các vật có sẵn này để phát triển Trí (Jñàna), vì vậy chúng Hữu Tình là loài thích hợp nhất để trở thành Phật. Đây là ý nghĩa của câu :”**Người là Phật sẽ thành**” và dựa trên tiên đề này mà các Tổ đã nói rằng **“Bản chất con người có sẵn Phật Tâm”**

Trên hình ảnh, Viện này được minh hoạ bằng hoa sen tám cánh nhằm biểu thị cho trái tim thịt có 8 múi của chúng sinh và hàm chứa nghĩa **vốn chẳng sinh** của chữ A (𑖀) hiển thị cho nghĩa **tất cả chúng sinh đều có đầy đủ Lý Thú của Phật Tính**.

9 Tôn trong Viện này được trình bày như sau:

\_ Đài hoa ở chính giữa được Thần Cách Hoá thành **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathàgata) biểu thị cho Thật Tướng của Tâm, Thật Tướng của Trí Tuệ tự nhiên. Hay đài hoa ở trung ương là **thân như như** của Đại Nhật Như Lai biểu thị cho Pháp Giới Thể Tính Trí (Dharma dhātu parakṛti Jñàna) và được gọi là Tự Tính Pháp Thân (Svabhàva-dharma-kàya). Đây cũng là Chân Thân của chư Phật tức là Pháp Thân Thường Trụ, Pháp Tính (Dharmatà) của Lý Trí đầy đủ tự nhiên thường hằng trong ba đời và từ Thân này lưu xuất các chúng Bồ Tát nói Pháp **ba Mật** (Tri-guhyà). Do tự Thể Pháp Nhiên lại quan hệ với sự tác nghiệp Vô Vi mà xưng là Tự Tính Pháp Thân.

Đức Đại Nhật Như Lai kết **Pháp Giới Định Ấn** với bàn tay phải đặt trên bàn tay trái, nối 2 ngón cái với nhau thành hình bầu dục. Năm ngón tay trái tượng trưng cho năm Đại của chúng sinh, năm ngón tay phải tượng trưng cho năm Trí Ấn... là dấu hiệu của sự chẳng chia hai, sự kết hợp giữa người và Phật. Ánh sáng phát xuất từ Thân của Đại Nhật Như Lai biểu tượng cho hành tung của Trí Tuệ trải khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới.

Theo ý nghĩa khác, Đại Nhật Như Lai ở Trung Đài là Diệu Thể của Tâm Vương, hay thức thứ chín (Amala-vijñāna). Khi Thức này chuyển biến thì trở thành Pháp Giới Thể Tính Trí. Trí này duyên với Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế là **hạ hoá chúng sinh , từ Nhân hướng Quả.**

\_ Cánh hoa ở phương Đông biểu thị cho Tâm Bồ Đề (Bodhi-citta) vốn là cái tối sơ của muôn Hạnh. Nó được Thần Cách Hoá thành **Bảo Tràng Như Lai** (Ratnaketu-tathāgata) và biểu hiện cho Đại Viên Kính Trí (Adar'sa-jñāna) là cái Trí xa lìa tất cả phân biệt cấu nhiễm, Tính Tướng trong sạch như ánh sáng của cái gương tròn chiếu soi khắp cả Lý Sự của vạn vật. Do đó Đại Viên Kính Trí được xem là Tự Thọ Dụng Pháp Thân (Svasambhoga-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai tức là Trí của Pháp Nhiên Thuỷ Giác, tự thọ dụng Pháp Lạc

Bảo Tràng Như Lai còn mang ý nghĩa là **phát Tâm Bồ Đề** ví như quân tướng thống ngự đại chúng cần phải có cờ xí nghiêm chỉnh, sau đó mới chia thành đội ngũ thống nhất chỉ huy để có thể phá quân địch thành công danh lớn. Phương Hạnh của Như Lai cũng như vậy, dùng Trí nguyện làm cờ xí, ngồi dưới gốc cây Bồ Đề giáng phục chúng Ma Quân cho nên lấy đó làm tên gọi.

Bảo Tràng Như Lai kết **Ấn Dữ Nguyện** với tay trái nắm góc áo cà sa biểu thị cho cái lòng giải thoát có nghĩa là **phát Tâm**, tay phải mở nghiêng thành Dữ Nguyện Ấn biểu thị cho Đất. Tay trái là Tự Hành, tay phải là Hoá Tha cho nên Bảo Tràng là vị Phật ban bố sự giàu sang (Pháp\_dharma) kho tàng của muôn loài, tùy theo nhu cầu của họ mà bảo vệ cho họ khỏi sự nguy hại và thương tổn. Do đó Ngài được xem là vị Kim Cương của sự ban Phước và sống lâu (**Phước Thọ Kim Cương**)

Theo ý nghĩa khác thì phương Đông chủ về mùa xuân, tất cả cây cỏ mầm giống nường theo mùa ấy mà sinh trưởng, vì thế nơi phát tâm thì hàm chứa vạn Pháp. Lại nữa phương Đông biểu thị cho thức thứ tám (Alaya-vijñāna) là nơi chứa giữ vạn Pháp nên nói là Phước Tự Diệu Lạc, lúc chuyển thức thứ tám thì thành Tự Thọ Dụng Pháp Thân, do đó Bảo Tràng Như Lai có Mật Hiệu là **Phước Tự Kim Cương**

\_Cánh hoa ở phương Nam biểu thị cho sự thành tựu vạn hạnh Đại Bi, viên mãn vạn Đức, khai mở Phật Tâm. Nó được Thần Cách Hoá thành **Khai Phu Hoa Vương Như Lai** (Sampuspitā-sāleन्द्रa-rājāya -tathāgata) và biểu hiện cho Bình Đẳng Tính Trí (Samatā-jñāna) là Trí quán sát tất cả Pháp **Tự Tha Hữu Tình** thấy đều bình đẳng, do tương ứng hỗ cộng với nhóm Đại Bi mà bình đẳng độ khắp chúng sinh, vì thế Bình Đẳng Tính Trí được xem là Tha Thọ Dụng Pháp Thân (Parasambhoga-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai, là Thân ứng hiện 10 Địa để gia trì cho chúng Bồ Tát, giúp cho họ tự Nội Chứng được Pháp Thân.

Khai Phu Hoa Vương Như Lai kết **Ấn Vô Úy** với tay trái nắm góc áo cà sa để ngang rốn biểu thị cho Đức thuộc nước Trí của Đại Bi. Tay phải tác Ấn Vô Úy biểu thị cho sự trải rộng lòng Từ (Maitri-citta) đến các chúng sinh một cách bình đẳng nên Ngài được xem là vị Kim Cương của bình đẳng (**Bình Đẳng Kim Cương**). Do Ngài nhập vào Tam Muội **ly Cấu** biểu thị cho sự mở bày vạn Đức, nuôi lớn Tâm



Bồ Đề, viên mãn vạn Hạnh của Đại Bi để thành Chính Giác (Sam̐bodhi). Ly Cấu có nghĩa là Đại Không (Mahà-'sùnya), khi chứng Đại Không này thời giống như vàng ròng đã được tôi luyện, các chất bụi dơ đều hết sạch. Đây là loại vàng thượng diệu của Thế Gian rất sáng suốt và trong sạch, do vậy sắc tướng của Ngài có màu vàng ròng rất tốt đẹp biểu thị cho sự viên mãn vạn Đức.

Lại nữa phương Nam chủ về mùa Hạ biểu thị cho sức sống của cành lá hoa quả nên mang nghĩa là thành tựu vạn Hạnh. Do chuyển thức thứ bảy (Manas-vijñàna) thành Bình Đẳng Tính Trí nên là Tha Thọ Dụng Thân của Đại Nhật Như Lai, nên Ngài có Mật Hiệu là **Bình Đẳng Kim Cương**, trụ ở Tam Muội Gia (Samaya) bình đẳng để giúp cho chúng Bồ Tát tu hành chứng quả.

\_Cánh hoa ở phương Tây biểu thị cho Trí Phương Tiện Phổ Môn của Như Lai, là sự tu hành viên mãn đắc được quả Đức Tự Chứng nên còn gọi là Chứng Bồ Đề. Nó được Thần Cách Hoá thành **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitayus-tathàgata) và biểu hiện cho Diệu Quán Sát Trí (Pratyave-kṣana-jñàna) là Trí khéo biết tướng chung tướng riêng của các Pháp mà không hề bị ngăn chuyển, lại y theo từng loại căn cơ của chúng Hữu Tình mà tự tại thuyết Pháp giáo hóa chúng sinh. Do đó Diệu Quán Sát Trí được xem là **Ứng Hóa Pháp Thân** (Nirmàṇa-dharma-kàya) của Đại Nhật Như Lai là Thân giáo hóa nhiếp thọ Bồ Tát Sơ Địa, Nhị Thừa, Phạm Phu.

Phương Tây chủ về mùa Thu là chỗ quy chung của vạn vật nên biểu thị cho Đức của Niết Bàn (Nirvaṇa) tương ứng với sự chung cực của Hành Chứng. Đức Vô Lượng Thọ Như Lai có thân màu vàng chói là sắc tu hành viên mãn, nghĩa là chẳng thể phá hoại, chuyển thức thứ sáu (Mano-vijñàna) thành Diệu Quán Sát Trí là Đức của sự nói Pháp chặt đứt nghi ngờ của Đại Nhật Như Lai.

Đức Vô Lượng Thọ Như Lai kết A Di Đà Định Ấn với hai tay đem ngón trở nổi ngón cái thành hình bầu dục, 3 ngón còn lại đặt chồng lên nhau biểu tượng cho 3 Đại (Đất, Nước, Lửa) dùng để chinh phục 2 Phiền Não Ma là Tham, Sân, Si... còn hình bầu dục tượng trưng cho Niết Bàn. Vì thế Ngài được gọi là **Thanh Tịnh Kim Cương**

\_ Cánh hoa ở phương Bắc biểu thị cho Trí Niết Bàn của Như Lai, là sự chứng nhập vào cảnh giới sâu xa vắng lặng của Niết Bàn. Nó được Thần Cách Hoá thành **Thiên Cổ Lô Âm Như Lai** (Divya-duṣṭubhi-megha-nirghoṣa-tathàgata) và biểu thị cho Thành Sở Tác Trí (Kṛtya-muṣṭhàna-jñàna) là Trí phân biệt rõ ràng các hậu quả của mọi hành động và thành tựu được tất cả công Đức, tức là Trí giải thoát các nghiệp. Đây là Trí dùng 3 Nghiệp thân khẩu ý của Như Lai làm lợi lạc cho chúng Hữu Tình. Vì chúng sinh hành Thiện, thành Bản Nguyện Lực, Sở Ứng Tác Sự. Do đó Thành Sở Tác Trí được xem là **Đẳng Lưu Pháp Thân** (Niṣyanda-dharma-kàya) của Đại Nhật Như Lai, là Thân đi vào muôn loài mang đầy đủ uy nghi, âm thanh, tướng mạo của từng loài để hoàn thiện việc Phật và việc Thế Gian.

Phương Bắc là Thắng Phương nên tương ứng với vị trí cứu cánh, là địa vị cao cả của Niết Bàn tức biểu thị cho vạn vật vắng lặng của mùa Đông. Đây là dùng

phương tiện của Lợi Tha để thành tựu Diệu Nghiệp của Lợi Tha, hay ứng với căn cơ của chúng sinh để đoạn trừ mê vọng.

Thiên Cổ Lô Âm Như Lai kết **Ấn Giáng Ma, Đạo Toàn Ấn** (Màrga-mudra) với quyền trái đặt ở rốn, mở lòng bàn tay phải úp xuống sao cho đầu ngón tay chạm đất, tượng trưng cho việc mang sự Giác Ngộ đến cho muôn loài hữu tình trong hằng hà sa số Thế Giới bằng sức mạnh giống Pháp Âm, nổi đèn Pháp tựa như trống Trời không có hình tướng và cũng không có trụ xứ lại có thể diễn nói Pháp Âm cảnh giác chúng sinh. Cũng như vậy, Đại Niết Bàn chẳng phải như trạng thái vắng lặng vĩnh viễn của hàng Nhị Thừa không có diệu dụng. Do lấy cái dụng mà Ngài có tên gọi là Thiên Cổ Lô Âm Như Lai.

Lại nữa tướng Tịch Định là Trí Niết Bàn của Như Lai nên Ngài có Mật Hiệu là **Bất Động Kim Cương** tức Tâm Tính chẳng động, hay có nghĩa là Định vắng lặng trong mát của Diệu Thể. Do chuyển 5 Thức Thân thành **Thành Sở Tác Trí** là Trí Tuệ thành biện việc Phật với việc Thế Gian nên Ngài được xem là Đẳng Lưu Pháp Thân của Đại Nhật Như Lai

\_ Cánh hoa ở góc Đông Nam biểu thị cho Hạnh Thâm Nhập Tâm Bồ Đề. Nó được Thần Cách Hóa thành **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra-bodhisatva) tức là giai đoạn Tịnh Tâm Bồ Đề

\_ Cánh hoa ở góc Tây Nam biểu thị cho Hạnh Trưởng Dưỡng Tâm Bồ Đề. Nó được Thần Cách Hóa thành **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát** (Mamju'sri- bodhisatva) tức là giai đoạn nuôi lớn Bát Nhã

\_ Cánh hoa ở góc Tây Bắc biểu thị cho Hạnh Toàn Thiệ Tâm Bồ Đề. Nó được Thần Cách Hóa thành **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokite'svara-bodhisatva) tức là giai đoạn chứng ngộ Bồ Đề

\_ Cánh hoa ở góc Đông Bắc biểu thị cho Hạnh Kết Kim Cương Thân. Nó được Thần Cách Hóa thành **Di Lạc Bồ Tát** (Maitreya-bodhisatva) tức là giai đoạn Nhập Niết Bàn

Vì 4 Hạnh là **Nhân Đức** của Như Lai, 4 Trí là **Quả Đức** của Như Lai nên 4 Hạnh và 4 Trí là Đức Pháp Thân của Đại Nhật Như Lai, tức là 8 Đại Pháp của Đại Nhật Tôn. Trong 9 Tôn này thì Đại Nhật biểu thị cho Tổng Thể nên là Phật Bộ (Buddha Kulàya), 4 vị Phật biểu thị cho Giác Trí nên là Kim Cương Bộ (Vajra Kulàya), 4 vị Bồ Tát biểu thị cho Đức của Đại Bi nên là Liên Hoa Bộ (Padma Kulàya) và 9 Tôn này biểu thị cho Lý Thú của Phật Tính (Buddhatà ) vốn có trong tâm của tất cả chúng sinh.

Nay dùng Như Lai Bình Đẳng Tuệ Quán, từ **Nhân** đến **Quả** chỉ là một thân, một Trí Hạnh của Như Lai. Chính vì thế cho nên Trung Đài Bát Diệp Viện đều là một Thể của Đại Nhật Như Lai

Do vậy Viện này là tổng thể của Thai Tạng Giới Man Đa La, còn các Viện khác là các Đức riêng biệt.

## 2\_ **Biển Tri Viện:**

Viện này có vị trí ở phương trên Trung Đài Bát Diệp Viện, gồm có bảy Tôn của nhóm Phật Nhãn Phật Mẫu.

Lại xưng là Phật Mẫu Viện tượng trưng cho Đức **Năng Sinh** của chư Phật, hay Nhất Thiết Như Lai Trí Ẩn tượng trưng cho Công Đức biết khắp tất cả của Đại Viên Kính Trí.

### **3\_ Quán Âm Viện:**

Viện này có vị trí ở phương Bắc của Trung Đài Bát Diệp Viện, có 37 Tôn của nhóm Đại Thế Chí.

Do Quán Âm Viện dùng Quán Tự Tại Bồ Tát làm Chủ Tôn, lại xưng là Liên Hoa Bộ Viện, tương đương với Diệu Quán Sát Trí, biểu thị cho Đức Đại Bi Hạ Hóa (bên dưới dùng Đại Bi hóa độ) của Như Lai

### **4\_ Kim Cương Thủ Viện:**

Viện này vị trí ở phương Nam của Trung Đài Bát Diệp Viện, gồm có 33 Tôn của nhóm Hư Không Vô Cấu Luân Trì Kim Cương.

Do Kim Cương Thủ Viện dùng Kim Cương Tát Đồả (Vajra-satva) làm Chủ Tôn, lại xưng là Tát Đồả Viện, tương đương với Thành Sở Tác Trí, biểu thị cho Đức Đại Trí Thượng Cầu (bên trên cầu Đại Trí)

### **5\_ Trì Minh Viện:**

Viện này có vị trí ở phương bên dưới của Trung Đài Bát Diệp Viện, gồm có năm Tôn của nhóm Bát Nhã Bồ Tát. Năm Đại Tôn Phần Nộ Minh Vương này là Giáo Lệnh Luân Thân do Đại Nhật Như Lai hiện ra nên xưng là Trì Minh Sư Giả. Do đó viện này được gọi là Trì Minh Viện, hay Phần Nộ Viện

Lại xưng là Ngũ Đại Viện tương ứng với Bình Đẳng Tính Trí, biểu thị cho sự Tĩnh Trừ phiền não của **Ta, Người** nhập vào Thật Tướng bình đẳng, tượng trưng cho hai Diệu Đức Chiết Phục và Nhiếp Thọ

### **6\_ Thích Ca Viện:**

Viện này có vị trí ở phương bên trên của Biến Trì Viện, gồm có 39 Tôn của nhóm Thích Ca Mâu Ni Phật.

Viện này biểu thị cho Diệu Đức của phương tiện nhiếp hóa. Dùng hai Đức Trí Bi, biến hiện Thích Ca Như Lai tế độ chúng sinh

### **7\_ Văn Thù Viện:**

Viện này có vị trí ở phương bên trên của Thích Ca Viện, gồm có 25 Tôn của nhóm Văn Thù Bồ Tát.

Viện này biểu thị cho Trí Tuệ của Đại Nhật, tức Bát Nhã Diệu Tuệ của Khai Ngô Thực Tướng, hay chặt đứt tất cả hý luận, kèm Phước Đức nhưng dùng Trí Đức làm gốc.

### **8\_ Địa Tạng Viện:**

Viện này có vị trí ở phương Bắc của Quán Âm Viện, gồm có chín Tôn của nhóm Địa Tạng.

Viện này biểu thị do Bi Môn của Quán Thế Âm Bồ Tát tiến vào nẻo ác cực khổ để giải cứu nạn khổ của tất cả chúng sinh mê tình trong 9 Giới, ví như Đại Địa

nâng đỡ phụ giúp vạn vật, chẳng ngại lao khổ mà hay sinh vạn vật, cho nên được gọi là Địa Tạng.

### **9\_ Trừ Cái Chướng Viện:**

Viện này có vị trí ở phương Nam của Kim Cương Thủ Viện, gồm có chín Tôn của nhóm Bi Mẫn Bồ Tát

Viện này dùng Trừ Cái Chướng Bồ Tát làm Chủ Tôn, theo Môn Đại Trí Tuệ của Kim Cương Thủ Bồ Tát trừ khử phiền não của tất cả chúng sinh, phá bỏ chướng ngại che lấp nơi hiểu biết mà ngộ nhập vào Thật Tướng của Tam Vô Tận Trang Nghiêm Tạng. Do vậy Viện này biểu thị cho Trí Môn của Kim Cương, hay trừ bỏ sự ngăn che chướng ngại (cái chướng) của chúng sinh

### **10\_ Hư Không Tạng Viện:**

Viện này có vị trí ở phương bên dưới của Trì Minh Viện, gồm có 28 Tôn của nhóm Hư Không Tạng.

Viện này biểu thị cho Bi Trí hợp một, bao hàm vạn Đức, hay theo nguyện của chúng sinh trao cho tất cả báu; kèm đủ Trí Đức nhưng dùng Phước Đức làm gốc. Ví như hư không không có chướng ngại, lại như hư không bao hàm vạn Đức, toả mãn đầy đủ mọi tất cả Nguyện Vọng của tất cả chúng sinh, nên được gọi là Hư Không Tạng

### **11\_ Tô Tất Địa Viện:**

Viện này có vị trí ở phương bên dưới của Hư Không Tạng Viện. Tô Tất Địa dịch ý là Diệu Thành Tự, gồm có tám Tôn của nhóm Thập Nhất Diện Quán Âm.

Viện này biểu thị cho Diệu Đức thành tựu hai lợi **tự tha**

### **12\_ Ngoại Kim Cương Bộ Viện:**

Viện này vây quanh bốn phương Đông Tây Nam Bắc của Thai Tạng Giới, hợp bốn phương, tổng cộng có 205 Tôn, minh họa Tôn Hình của các chư Thiên, Dược Xoa, Người, Phi Nhân, 7 Diệu, 12 Cung, 28 Tú... biểu thị cho Diệu Đức tùy theo loại nên hóa độ cùng với Lý Phạm Thánh chẳng hai.

Viện này bao quát rất rộng, phạm tất cả loài Thần Chúng thuộc nhóm các Thiên Thần được nói trong tất cả Kinh Điển đều có thể xếp bày vào Viện này.

### **13\_ Tứ Đại Hộ Viện:**

Hiện Đồ lược bỏ viện thứ mười ba.

Một trong các Giáo Pháp trọng yếu của Mật Giáo là bộ Kinh **Đại Nhật** (Mahà-vairocana-bhisambodhi-vikurvitàdhiṣṭhana-vaipulya-sùtrendra-vàja-nàma-dharma-paryàya) gồm mười vạn bài kệ trình bày Giáo Nghĩa giúp cho Hành Giả mau chóng hiểu thấu được đường lối **mau chóng thành Phật**.

Thế nhưng do các bản dịch thường không đầy đủ và Kinh Văn lại quá thâm ảo, nên không có mấy người thấu hiểu được trọn vẹn. Vì thế các bậc Đạo Sư Mật Giáo đã vận dụng phương tiện khéo léo, dùng đồ thức tạo dựng Thai Tạng Giới Man Đà La (Garbha-dhātu-maṇḍala) để truyền tải giáo lý giải thoát sinh tử của Đức Phật Đà, nhằm giúp cho người học dễ tiếp cận với nghĩa thú giải thoát.

Trải qua nhiều năm tìm cầu, do duyên lành nên tôi đã có được một số tài liệu của các bậc tiền bối như : Bộ **Phật Quang Đại Tự Điển**, 4 quyển Mật Tạng và 12 quyển Đồ Tượng trong bộ **Đại Chính Tân Tu**, bộ **Phật Giáo Tiểu Bách Khoa**, Đồ hình các chủng tử của Thai Tạng Giới Man Đa La do em Mật Trí (**Tống Phước Khải**) phục chế, cùng với một số tài liệu khác... minh họa lại Thai Tạng Giới Man Đa La bằng Việt Ngữ, nhằm giúp cho người đọc tham khảo, đối chiếu và có thể hiểu rõ hơn về Pháp tu **mau chóng thành Phật** của Mật Giáo

Điều không thể tránh khỏi là tập soạn dịch này vẫn còn nhiều khiếm khuyết. Ngưỡng mong các Bậc Tiền Bối, các Bậc Long Tượng trong Mật Giáo hãy rũ lòng Từ Bi chỉ bảo cho chúng tôi kịp thời sửa chữa những lỗi lầm của mình ngõ hầu giúp ích cho những người cầu học Chính Pháp Giải Thoát.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con xin kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**) và Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Con cũng xin hồi hướng mọi Công Đức có được đến các Thầy **Thích Quảng Trí, Thích Pháp Quang** là các bậc Thầy luôn theo dõi, hỗ trợ và thúc đẩy con nghiên cứu Mật Giáo cho chính đúng.

Tôi xin chân thành cảm ơn em Mật Trí (**Tống Phước Khải**) với các con tôi đã hỗ trợ tài liệu, scan hình ảnh và phục chế Đồ Hình để giúp tôi hoàn thành tập soạn dịch này

Tôi xin chân thành cảm tạ vợ chồng em **Thông Toàn** đã hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong thời gian soạn dịch Kinh Điển.

Tôi cũng xin cảm ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã cam chịu mọi khó khăn trong cuộc sống để hỗ trợ cho tôi vững bước trên con đường tìm hiểu Phật Pháp.

Nguyện xin Tam Bảo và các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực giúp cho con với tất cả chúng sinh tránh được mọi lỗi lầm và mau chóng thực chứng được Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà.

Mùa Thu năm Kỷ Sửu (2009)  
Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi